

Số: 225/KH-BQL

Hải Phòng, ngày 23 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

Thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2024, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (Ban Quản lý) xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao chất lượng phục vụ trong giải quyết TTHC, dịch vụ công theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, dịch vụ công nhằm giảm chi phí và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

- Kịp thời phát hiện những nội dung bất cập, vướng mắc, không phù hợp đang gây khó khăn, cản trở của TTHC trong quá trình giải quyết công việc cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc huỷ bỏ.

2. Yêu cầu

- Các Phòng chuyên môn được giao rà soát tập trung chỉ đạo, tổ chức rà soát, đánh giá TTHC bảo đảm có chất lượng, đúng tiến độ theo Kế hoạch đề ra.

- Các phương án kiến nghị đơn giản hóa TTHC phải có tính khả thi, kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố, các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những TTHC không phù hợp, đảm bảo thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Khuyến khích rà soát, đơn giản hoá TTHC từ thực tiễn sử dụng, thao tác trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố để kiến nghị, phản ánh, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc huỷ bỏ TTHC.

II. NỘI DUNG, CÁCH THỨC

1. Nội dung rà soát, đánh giá:

- Các phòng chuyên môn có TTHC thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC có trong Phụ lục I Kế hoạch của UBND thành phố.

- Chủ động thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC thuộc thẩm quyền, nếu phát hiện TTHC, nhóm TTHC, quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có vướng mắc, bất cập, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế và cần cắt giảm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/05/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

2. Cách thức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

Thực hiện theo Quy định tại Điều 25, Điều 26 của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Kết quả rà soát, đánh giá

- Biểu mẫu rà soát đối với từng TTHC (sử dụng biểu mẫu 02/RS-KSTT tại Phụ lục VII Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

- Phương án đơn giản hóa cụ thể đối với từng TTHC sau khi được rà soát, đánh giá kèm theo chi phí tiết kiệm được (chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá - chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao các phòng chuyên môn có TTHC chủ trì phối hợp với Văn phòng Ban Quản lý tổ chức rà soát, đánh giá các TTHC được giao tại Phụ lục I của Kế hoạch.

- Tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và dự thảo Quyết định phê duyệt thông qua phương án đơn giản hóa (mẫu tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch) trước ngày 20/6/2024.

2. Các Phòng chuyên môn có thực hiện giải quyết TTHC, thực hiện rà soát, đánh giá đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng gửi kết quả về Văn phòng Ban Quản lý trước ngày 30/6/2024.

3. Văn phòng Ban Quản lý thực hiện đôn đốc việc rà soát, đánh giá TTHC của Ban; tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC (kèm theo phương án đơn giản hóa TTHC), trình Lãnh đạo Ban xem xét, duyệt ký văn bản để gửi Văn phòng UBND thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:

- VP UBND TP;
- LDB;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VP/BQL

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Chu Đức Anh

Phụ lục I

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đơn vị thực hiện
1	2.001535	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	Sở Công Thương
2	2.001266	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV	
3	1.004594	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Sở Du lịch
4	1.0005053	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	1.005049	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	
6	1.005025	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	
7	1.005195	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	
8	1.005359	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	
9	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	Sở Giao thông vận tải
10	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng phương tiện thủy nội địa	
11	1.001284	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	
12	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	
13	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	
14	1.003135	Cấp, cấp lại chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	
15	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	

17	2.002544	Cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyên giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ
18	2.000212	Công bố sử dụng dấu định lượng	
19	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
20	1.000479	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
21	1.000464	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
22	1.000448	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
23	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
24	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	
25	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
26	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
27	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	
28	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	
29	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	
30	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
31	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông
32	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in	
33	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
34	2.000778	Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng công chứng	
35	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
36	1.004650	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn	Sở Văn hóa và Thể thao
37	1.001809	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	

38	1.009397	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương	
39	1.001704	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	
40	1.002.693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Sở Xây dựng
41	1.008.432	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
42	1.004599	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Sở Y tế
43	2.000422	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố về thành tích đột xuất	Sở Nội vụ
44	1.009099	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	UBND quận Hải An, UBND huyện Cát Hải
45	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	UBND quận Kiến An, UBND quận Lê Chân
46	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo	
47	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND quận Ngô Quyền, UBND huyện Tiên Lãng
48	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã	UBND huyện Thủy Nguyên, UBND huyện An Lão
49	2.000181	Cấp giấy phép bán lẻ thuốc lá	UBND quận Ngô Quyền, UBND huyện Thủy Nguyên
50	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND huyện An Dương
51	1.009994	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV và nhà ở riêng lẻ	UBND quận Đồ Sơn
52	1.009995	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp II, cấp IV và nhà ở riêng lẻ	

53	1.009996	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ	
54	1.009997	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ	
55	1.005097	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	UBND quận Đương Kinh
56	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	
57	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	UBND huyện Vĩnh Bảo
58	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	UBND huyện Cát Hải
59	1.004901	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	UBND huyện An Lão
60	2.000364	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	UBND quận Hong Bang
61	2.000356	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	
62	2.000011	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ	UBND huyện Kiến Thụy
63	2.000270	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	

Phụ lục II
MẪU TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA
QUY ĐỊNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-..... Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc phạm vi quản lý của

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện Kế hoạch số/KH-UBND ngày/.../2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về rà soát, đánh giá TTHC năm 2023, [Cơ quan/đơn vị] đã thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và kiến nghị phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN RÀ SOÁT QUY ĐỊNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tình hình thực hiện quy định, thủ tục hành chính

2. Đề xuất phương án đơn giản hóa

a) Thủ tục (Mã số thủ tục hành chính)

- Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Lý do:

- Kiến nghị thực thi: (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm:đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí:%.

b) Thủ tục(mã số TTHC)

- Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Lý do:

- Kiến nghị thực thi: *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

- Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm:đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí:%.

....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Tờ trình kèm theo Biểu tính toán chi phí tuân thủ)

